

TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN NINH BÌNH

Số: 180 /NBTPC-CBTT
V/v: Công bố Báo cáo tài chính
kiểm toán năm 2016

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Ninh Bình, ngày 24 tháng 03 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : CTCP Nhiệt điện Ninh Bình
2. Mã chứng khoán : NBP
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 1- Đường Hoàng Diệu – P.Thanh Bình-TPNB
4. Điện thoại : 030 2251 537 Fax : 0303 873 762
5. Người thực hiện công bố thông tin : Bùi Mạnh Hùng - Người được UQCBTT
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 của CTCP Nhiệt điện Ninh Bình đã được kiểm toán được lập vào ngày 15 tháng 03 năm 2017 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2 Bản giải trình chênh lệch KQSXKD trước và sau kiểm toán năm 2016.

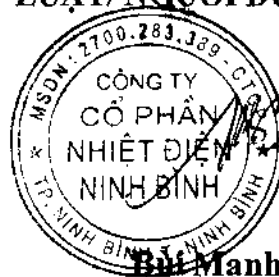
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính : <http://www.nbtpc.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT, NUQCBTT

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT/ NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**



Bùi Mạnh Hùng

Ninh Bình, ngày 24 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH
CHÊNH LỆCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD
SỐ LIỆU TRƯỚC VÀ SAU KIỂM TOÁN NĂM 2016

Kính gửi : Ủy ban chứng khoán Nhà nước
 Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Căn cứ vào công văn số 2099/SGDHN-QLNY ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công bố thông tin định kỳ.

Căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2016 đã được kiểm toán

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình xin giải trình cụ thể như sau:

Đơn vị tính : Đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	664,795,338,309	666,373,583,334	1,578,245,025
2	Giá vốn hàng bán	600,699,981,893	597,553,845,733	- 3,146,136,160
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64,095,356,416	68,819,737,601	4,724,381,185
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1,317,700,330	1,317,700,330	-
5	Chi phí hoạt động tài chính			-
5	Chi phí bán hàng	188,114,050	188,114,050	-
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	42,633,023,794	43,213,583,292	580,559,498
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22,591,918,902	26,735,740,589	4,143,821,687
8	Thu nhập khác	1,623,228,083	1,112,114,197	- 511,113,886
9	Chi phí khác	1,272,794,521	761,680,635	- 511,113,886
10	Lợi nhuận khác	350,433,562	350,433,562	-
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	22,942,352,464	27,086,174,151	4,143,821,687
12	Chi phí thuế TNDN	4,565,142,950	5,443,667,287	878,524,337
13	Lợi nhuận sau thuế	18,377,209,514	21,642,506,864	3,265,297,350



Chênh lệch doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 1.578.245.025 đồng do:

- Trước kiểm toán Công ty chưa quyết toán hợp đồng mua bán điện năm 2016 với Tập đoàn điện lực Việt Nam nên doanh thu bán điện trước kiểm toán là số tạm tính, sau kiểm toán Công ty đã quyết toán hợp đồng mua bán điện năm 2016 với Tập đoàn điện lực Việt Nam, Doanh thu tiền điện tăng so với trước kiểm toán là 1.914.352.825, đồng.

- Sau kiểm toán Công ty điều chỉnh khử trùng doanh thu nội bộ từ việc bán tro xỉ do vậy doanh thu giảm là 336.107.800, đồng

Chênh lệch giá vốn bán hàng giảm 3.146.136.160, chủ yếu do Công ty chuyển 2.500.000.000, đồng từ chi phí sửa chữa lớn sang tài khoản chi phí trả trước, chờ phân bổ kỳ sau ngoài ra là chi phí ăn ca phân bổ quá trong năm.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 580.559.498, đồng do trước kiểm toán quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và kế toán trưởng chưa được phê duyệt, sau kiểm toán Công ty đã được phê duyệt và phân bổ tiếp vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Thu nhập khác giảm 511.113.886, đồng là do Công ty khử trùng nhập nội bộ từ việc thuê ki ốt và thu nhập từ việc bán tro xỉ nội bộ.

Chi phí khác tăng 511.113.886 đồng lý do tương ứng như trên.

Từ các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận trước thuế tăng 4.143.821.687, đồng và từ đó thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 10.741.309.157 đồng và lợi nhuận sau thuế tăng 878.524.337, đồng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VPCT;
- Lưu TCKT;





Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 2700283389

ngày 5 tháng 1 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2700283389 ngày 5 tháng 1 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tống Đức Chính	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Đoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên
Ông Võ Phùng Thuận	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lương Thị Thúy	Trưởng ban (từ ngày 24/5/2016)
Bà Nguyễn Thị Tường Vi	Trưởng ban (đến ngày 24/5/2016)
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên (từ ngày 24/5/2016)
Ông Trần Ngọc Thọ	Thành viên (đến ngày 24/5/2016)
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Văn Đoàn	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Trụ sở đăng ký

Số 1, Đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình
Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 29 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trịnh Văn Quân
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, 15 -03- 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15-03-2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 29.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2016.

**Công ty TNHH KPMG
Việt Nam**

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-299-b



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 15 -03- 2017

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		326.378.675.425	347.148.087.959
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	129.495.158.085	71.621.145.739
Tiền	111		59.495.158.085	41.621.145.739
Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	30.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		133.800.962.034	189.279.403.661
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	120.918.781.586	172.097.848.328
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		217.000	4.684.852.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	12.881.963.448	12.496.702.433
Hàng tồn kho	140	7	62.913.676.017	75.572.076.763
Hàng tồn kho	141		62.951.628.150	75.670.303.692
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(37.952.133)	(98.226.929)
Tài sản ngắn hạn khác	150		168.879.289	675.461.796
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		168.879.289	675.461.796
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		50.542.575.284	33.382.265.901
Tài sản cố định	220		18.329.060.564	20.234.025.302
Tài sản cố định hữu hình	221	8	18.329.060.564	20.234.025.302
Nguyên giá	222		446.864.548.540	443.334.187.846
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(428.535.487.976)	(423.100.162.544)
Tài sản dở dang dài hạn	240		596.806.282	6.211.823.239
Xây dựng cơ bản dở dang	242	9	596.806.282	6.211.823.239
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10	2.500.000.000	2.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		29.116.708.438	4.436.417.360
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	29.116.708.438	4.436.417.360
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		376.921.250.709	380.530.353.860

Các thuyết minh đính kèm từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		115.082.209.274	110.866.073.289
Nợ ngắn hạn	310		115.082.209.274	110.866.073.289
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	56.887.549.955	34.765.047.090
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	9.940.471.471	14.600.331.898
Phải trả người lao động	314		28.673.934.718	41.899.927.977
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	590.655.049	8.025.160.804
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	101.047.056
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	11.221.322.856	7.951.450.539
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	7.768.275.225	3.523.107.925
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		261.839.041.435	269.664.280.571
Vốn chủ sở hữu	410	17	261.839.041.435	269.664.280.571
Vốn cổ phần	411	18	128.655.000.000	128.655.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.655.000.000	128.655.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.856.736.012	22.981.729.262
Quỹ đầu tư phát triển	418	19	60.784.125.711	49.997.002.461
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		45.543.179.712	68.030.548.848
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		23.900.672.848	19.156.789.151
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		21.642.506.864	48.873.759.697
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		376.921.250.709	380.530.353.860

15 -03- 2017

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập

Người duyệt:



Lương Thị Nguyệt
 Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	666.373.583.334	727.998.734.537
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	-	69.300.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	666.373.583.334	727.929.434.537
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	22	597.553.845.733	613.649.665.396
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		68.819.737.601	114.279.769.141
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.317.700.330	1.512.387.989
Chi phí bán hàng	25		188.114.050	569.453.830
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	43.213.583.292	53.130.234.960
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 25 - 26)	30		26.735.740.589	62.092.468.340
Thu nhập khác	31		1.112.114.197	2.324.514.004
Chi phí khác	32		761.680.635	1.828.551.201
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		350.433.562	495.962.803
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		27.086.174.151	62.588.431.143
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	5.443.667.287	13.711.671.446
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		21.642.506.864	48.876.759.697
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.682	3.799

15 -03- 2017

Người lập:

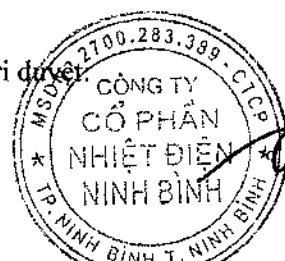


Phạm Thị Thanh Bình
Người lập

Người duyệt:



Lương Thị Nguyệt
Kế toán trưởng



Trần Văn Đoàn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		27.086.174.151	62.588.431.143
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		6.262.022.790	7.911.316.329
Các khoản dự phòng	03		(60.274.796)	98.226.929
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.310.077.996)	(1.512.387.989)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		31.977.844.149	69.085.586.412
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		55.342.608.402	12.046.249.371
Biến động hàng tồn kho	10		12.718.675.542	5.065.948.791
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		18.003.496.658	(24.559.431.232)
Biến động chi phí trả trước	12		(24.173.708.571)	2.310.909.002
			93.868.916.180	63.949.262.344
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.651.831.724)	(5.921.120.704)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.250.000	50.300.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.910.062.700)	(4.783.348.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		70.347.271.756	53.295.093.340
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.364.680.386)	(2.484.501.200)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(10.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.453.533.555	1.222.110.329
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.088.853.169	(11.262.390.871)

Các thuyết minh đính kèm từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả cổ tức	36		(19.562.112.579)	(22.955.494.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.562.112.579)	(22.955.494.650)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		57.874.012.346	19.077.207.819
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		71.621.145.739	52.543.937.920
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	129.495.158.085	71.621.145.739

15 -03- 2017

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập

Người Duyệt



Lương Thị Nguyệt
 Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất điện;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác bao gồm: sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng;
- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Đường dây và trạm biến áp;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện; và
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Chi tiết: Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng, tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 574 nhân viên (1/1/2016: 657 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 35 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 6 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 – 8 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 5 năm |

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị tài sản cố định đang xây dựng hoặc lắp đặt hoặc các hạng mục sửa chữa tài sản cố định của Công ty chưa được hoàn thành. Khi hoàn thành, giá trị của các hạng mục này sẽ được (i) chuyển sang tài sản cố định nếu đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng; (ii) chuyển sang chi phí trả trước để phân bổ dần nếu hạng mục sửa chữa có giá trị lớn và không đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; hoặc (iii) ghi nhận là chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ nếu hạng mục có tính chất sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa tài sản cố định được trích trước vào Giá vốn hàng bán trong năm và Chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa hàng năm được Hội đồng Quản trị phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các công trình sửa chữa đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên khoản mục Xây dựng cơ bản dở dang trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các hạng mục này, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục Xây dựng cơ bản dở dang và Chi phí phải trả ngắn hạn. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so quy định Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18, *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Ban Giám đốc Công ty nhận định so với việc áp dụng quy định của VAS 18 thì việc hạch toán theo Chế độ Kế toán EVN như trên không có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn bao gồm các khoản chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ có giá trị lớn và không đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định (Thuyết minh (f)). Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ

Khoản dự phòng về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ liên quan chủ yếu đến một số máy móc và thiết bị cần thiết phải sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Khoản dự phòng được lập hàng năm dựa trên ước tính của Công ty về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh và được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt hàng năm (Thuyết minh (f)).

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(o) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh điện năng, và một khu vực địa lý là Việt Nam.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	576.292.500	190.054.700
Tiền gửi ngân hàng	58.918.865.585	41.431.091.039
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	30.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	129.495.158.085	71.621.145.739

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty Mua bán điện	116.673.097.257	166.117.171.457
Các khách hàng khác	4.245.684.329	5.980.676.871
	120.918.781.586	172.097.848.328

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty Mua bán điện	116.673.097.257	166.117.171.457
Các đơn vị phụ thuộc của công ty mẹ		
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện	2.647.932.329	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	-	4.507.605.900
	2.647.932.329	4.507.605.900

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được trong 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6. Phải thu ngắn hạn khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình	10.745.869.074	10.745.869.074
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.338.131.804	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu từ nhân viên	271.535.019	328.395.639
Lãi tiền gửi	154.444.435	290.277.660
Tạm ứng nhân viên	217.500.000	696.850.000
Tiền sửa độc hại	-	148.374.326
Khác	154.483.116	286.935.734
	12.881.963.448	12.496.702.433

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình – Đơn vị phụ thuộc của công ty mẹ	10.745.869.074	10.745.869.074

Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình (“Ban Quản lý”) không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được sau khi Ban Quản lý hoàn thành việc quyết toán Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	3.498.346.700	-
Nguyên vật liệu	61.894.801.550	(37.952.133)	71.298.231.316	(98.226.929)
Công cụ và dụng cụ	486.103.990	-	485.455.038	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.592.772	-	233.643.693	-
Thành phẩm	464.786.626	-	105.170.180	-
Hàng hóa	17.343.212	-	49.456.765	-
	62.951.628.150	(37.952.133)	75.670303.692	(98.226.929)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 380 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2016: 776 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	84.496.877.359	331.655.960.254	23.362.796.920	3.818.553.313	443.334.187.846
Mua mới	321.623.636	77.850.000	1.351.920.000	2.613.286.750	4.364.680.386
Thanh lý	-	(654.173.192)	-	-	(654.173.192)
Xóa sổ	(57.465.100)	(122.681.400)	-	-	(180.146.500)
Số dư cuối năm	84.761.035.895	330.956.955.662	24.714.716.920	6.431.840.063	446.864.548.540
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	78.016.141.694	325.179.308.562	17.571.259.642	2.333.452.646	423.100.162.544
Khấu hao trong năm	1.933.254.100	2.024.528.089	1.435.752.578	868.488.023	6.262.022.790
Thanh lý	-	(654.173.192)	-	-	(654.173.192)
Xóa sổ	(57.465.100)	(115.059.066)	-	-	(172.524.166)
Số dư cuối năm	79.891.930.694	326.434.604.393	19.007.012.220	3.201.940.669	428.535.487.976
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	6.480.735.665	6.476.651.692	5.791.537.278	1.485.100.667	20.234.025.302
Số dư cuối năm	4.869.105.201	4.522.351.269	5.707.704.700	3.229.899.394	18.329.060.564

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 385.470 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 361.339 triệu VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	6.211.823.239	-
Tăng trong năm	65.797.701.146	6.211.823.239
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(32.743.750.000)	-
Chuyển sang giá vốn hàng bán	(33.053.951.146)	-
Giảm do quyết toán công trình sửa chữa lớn đã trích trước trong năm 2015	(5.615.016.957)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	596.806.282	6.211.823.239

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	2016 VND	2015 VND
Đại tu tổ máy số 3	-	5.615.016.957
Tư vấn lập báo cáo đánh giá khảo sát hiện trạng SXKD Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	493.220.827	493.220.827
Thẩm tra đề án cải tạo nâng cấp thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh	103.585.455	103.585.455
	<hr/>	<hr/>
	596.806.282	6.211.823.239

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016 và 1/1/2016				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:					
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	250.000	5%	5%	2.500.000.000	-
				<hr/>	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa lớn VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	-	4.436.417.360	4.436.417.360
Tăng trong năm	-	15.986.776.528	15.986.776.528
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	32.743.750.000	-	32.743.750.000
Phân bổ trong năm	(6.194.558.750)	(17.855.676.700)	(24.050.235.450)
Số dư cuối năm	26.549.191.250	2.567.517.188	29.116.708.438

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Đông Bắc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam	32.365.568.327	32.365.568.327	30.358.950.593	30.358.950.593
Các nhà cung cấp khác	15.312.401.503	15.312.401.503	-	-
	9.209.580.125	9.209.580.125	4.406.096.497	4.406.096.497
	56.887.549.955	56.887.549.955	34.765.047.090	34.765.047.090

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số tăng trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	733.707.167	80.810.660.283	(73.739.011.153)	7.805.356.297
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.359.207.971	5.498.183.287	(17.651.831.724)	1.205.559.534
Thuế thu nhập cá nhân	-	691.724.722	(681.863.822)	9.860.900
Thuế tài nguyên	507.416.760	1.879.774.740	(2.019.416.760)	367.774.740
Tiền thuê đất	-	2.204.808.000	(1.652.888.000)	551.920.000
Các loại thuế khác	-	266.709.191	(266.709.191)	-
	14.600.331.898	91.351.860.223	(96.011.720.650)	9.940.471.471

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền thưởng tiết kiệm nhiên liệu	-	1.464.481.530
Trích trước chi phí sửa chữa lớn (Thuyết minh 3(f))	-	5.615.016.957
Chi phí phải trả khác	590.655.049	945.662.317
	<hr/>	<hr/>
	590.655.049	8.025.160.804
	<hr/>	<hr/>

15. Phải trả ngắn hạn khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải trả về tiền văn phòng dự án cho Tổng Công ty		
Phát điện 3 – Công ty TNHH MTV	2.899.863.781	2.899.863.781
Bảo hiểm xã hội	5.030.559.126	-
Bảo hiểm y tế	460.327.159	-
Bảo hiểm thất nghiệp	360.271.232	-
Quỹ ủng hộ người nghèo	230.360.800	243.496.044
Cổ tức phải trả	1.088.620.800	1.352.483.379
Thuế giá trị gia tăng trích trước	-	3.254.097.922
Phải trả khác	1.151.319.958	201.509.413
	<hr/>	<hr/>
	11.221.322.856	7.951.450.539
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả ngắn hạn khác từ các bên liên quan

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty TNHH MTV - Công ty mẹ		
Phải trả về tiền văn phòng dự án	2.899.863.781	2.899.863.781
Phải trả khác	159.517.573	159.517.573
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty TNHH MTV không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.523.107.925	1.807.236.225
Trích lập trong năm	10.114.980.000	6.448.920.000
Tặng khác	40.250.000	116.300.000
Sử dụng trong năm	(5.910.062.700)	(4.849.348.300)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.768.275.225	3.523.107.925
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	128.655.000.000	21.789.347.444	45.205.916.759	54.787.886.671	250.438.150.874
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	48.876.759.697	48.876.759.697
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.983.467.520	(5.983.467.520)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.448.920.000)	(6.448.920.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(23.157.900.000)	(23.157.900.000)
Kết chuyển quỹ (Thuyết minh 19)	-	1.192.381.818	(1.192.381.818)	-	-
Biến động khác	-	-	-	(43.810.000)	(43.810.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	128.655.000.000	22.981.729.262	49.997.002.461	68.030.548.848	269.664.280.571
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.642.506.864	21.642.506.864
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	14.662.130.000	(14.662.130.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.114.980.000)	(10.114.980.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(19.298.250.000)	(19.298.250.000)
Kết chuyển quỹ (Thuyết minh 19)	-	3.875.006.750	(3.875.006.750)	-	-
Biến động khác	-	-	-	(54.516.000)	(54.516.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	128.655.000.000	26.856.736.012	60.784.125.711	45.543.179.712	261.839.041.435

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016 và 1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.865.500	128.655.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	128.655.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	128.655.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Công ty.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 5 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2015 trị giá 19.298.250.000 VND (2015: 23.157.900.000 VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2016	2015
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán điện	651.191.404.769	710.022.511.287
▪ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	15.182.178.565	17.976.223.250
	<hr/> 666.373.583.334	<hr/> 727.998.734.537
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(69.300.000)
	<hr/> 666.373.583.334	<hr/> 727.929.434.537

22. Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Giá vốn bán điện	582.769.715.303	602.920.976.130
Giá vốn bán sản phẩm và cung ứng dịch vụ khác	14.784.130.430	10.728.689.266
	<hr/> 597.553.845.733	<hr/> 613.649.665.396

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	942.700.330	1.137.387.989
Cổ tức được chia	375.000.000	375.000.000
	<hr/> 1.317.700.330	<hr/> 1.512.387.989

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	20.999.205.717	27.975.846.754
Chi phí vật liệu	385.948.332	234.443.236
Chi phí công cụ dụng cụ	681.259.401	1.200.124.706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.485.300.285	1.575.158.128
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.540.088.592	1.866.398.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.353.641.280	1.940.789.226
Chi phí khác	15.768.139.685	18.337.474.524
	<hr/>	<hr/>
	43.213.583.292	53.130.234.960

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	430.741.900.212	460.954.346.823
Chi phí nhân công	120.619.937.524	127.215.628.954
Chi phí khấu hao	6.262.022.790	7.911.316.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.034.623.435	3.303.544.636
Chi phí sửa chữa lớn	39.248.509.896	32.367.286.258
Chi phí khác	41.048.549.218	35.597.231.186

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**26. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2016 VND	2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.086.174.151	62.588.431.143
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.417.234.830	13.769.454.851
Chi phí không được khấu trừ thuế	101.432.457	45.121.595
Thu nhập không bị tính thuế	(75.000.000)	(102.905.000)
	5.443.667.287	13.711.671.446

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (2015: 22%).

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2016	2015
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*) (VND)	21.642.506.864	48.876.759.697
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	12.865.500	12.865.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.682	3.799

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi có thể làm lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm đi.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất <i>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</i> Điện mua trong năm	12.839.527	-
Công ty mẹ <i>Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty TNHH MTV</i> Chia cổ tức	10.568.160.100	12.681.792.000
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất <i>Công ty Mua bán điện</i> Doanh thu bán điện	650.734.057.844	709.639.279.017
Đơn vị phụ thuộc của công ty mẹ <i>Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện</i> Doanh thu dịch vụ	7.930.675.657	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân Doanh thu dịch vụ	-	6.194.178.545
Chủ tịch và Ban Giám đốc Tiền lương và thưởng	1.047.736.000	1.823.730.000

15 -03- 2017

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập

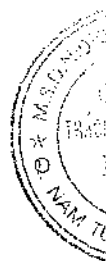
Người duyệt:



Lương Thị Nguyệt
 Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
Báo cáo chi phí sản xuất và kinh doanh điện theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Nhiên liệu	417.910.844.069	446.733.765.678
Vật liệu	12.014.716.158	12.476.280.154
Lương và bảo hiểm xã hội	111.676.587.359	114.282.659.172
<i>Lương công nhân viên</i>	99.660.290.000	106.963.070.000
<i>Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,</i> <i>bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn</i>	12.016.297.359	7.319.589.172
Khấu hao tài sản cố định	4.885.626.780	6.325.187.097
Các khoản dịch vụ mua ngoài	2.789.421.228	2.829.847.578
<i>Điện dùng nội bộ</i>	86.394.844	74.083.052
<i>Điện mua của Tập đoàn</i>	12.839.527	-
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	2.690.186.857	2.755.764.526
Chi phí sửa chữa lớn	39.248.509.896	32.367.286.258
<i>Sửa chữa lớn thuê ngoài</i>	15.110.792.071	4.180.394.858
<i>Sửa chữa lớn tự làm</i>	24.137.717.825	28.186.891.400
Chi phí bằng tiền khác	37.121.485.305	34.535.525.290
<i>Thuế tài nguyên</i>	1.879.774.740	2.175.416.760
<i>Thuế đất</i>	2.204.808.000	1.652.888.000
<i>Ấn ca</i>	4.414.110.800	5.138.278.000
<i>Trợ cấp mất việc làm</i>	677.903.000	148.891.000
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	(60.274.796)	98.226.929
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	28.005.163.561	25.321.824.601

